TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NGHỆ AN** Bản án số: 30/2025/HNGĐ - ST Ngày 15/9/2025 Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hoè và ông Hồ Văn Hữu
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên; thư ký Toà án nhân dân khu vực - Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Giang; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2025/TLST-HN&GĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2025/QĐST-HN&GĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1995 (Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Xóm G, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số E, đường T, quận T, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

Số căn cước công dân: 040195005080

Người được chị D uỷ quyền: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1995 (Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

Số căn cước công dân: 040195010461.

Trú tại: Số B, đường N, phường T, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Đậu Xuân T, sinh năm 1987 (Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm G, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Số căn cước công dân: 040084008186

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Đậu Xuân T kết hôn với nhau vào ngày 10/3/2014

có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (trước là xã S, huyện Q), tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống không có tiếng nói chung, vợ chồng sống không có tình cảm. Năm 2022 chị đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, khoảng cách địa lý khiến cả hai không còn nói chuyện với nhau.Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đậu Xuân T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Đậu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 20/6/2017 và Đậu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 23/10/2014. Các con chung đang ở với anh T. Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Đậu Nguyễn Anh Q và giao con chung là Đậu Nguyễn Thành Đ cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị.

Chị và anh T không ai có con riêng, không ai nhận nuôi con nuôi. Hiện nay, chị cũng không mang thai.

- Về tài sản và nợ: Chị và anh T tự thỏa thuận phân chia nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Đậu Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau vào ngày 10/3/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (trước là xã S, huyện Q), tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống không có tiếng nói chung, vợ chồng sống không có tình cảm. Năm 2022 chị D đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cả hai không còn nói chuyện, hỏi han gì với nhau.Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị Nguyễn Thị D xin ly hôn anh, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng thống nhất ly hôn với chị D.

Vợ chồng có 02 con chung là Đậu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 20/6/2017 và Đậu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 23/10/2014. Các con chung đang ở với anh. Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả con chung. Anh và chị D sẽ thoả thuận với nhau về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị :

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn với anh Đậu Xuân T.

- Về con chung: Đề nghị giao các con chung là Đậu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 20/6/2017 và Đậu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 23/10/2014 cho anh Đậu Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cho chị Nguyễn Thị D vì anh Đậu Xuân T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị D có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Đậu Xuân T tự thoả thuận phân chia, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nạp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và anh Đậu Xuân T. Bị đơn anh Đậu Xuân T đang có hộ khẩu thường trú tại Xóm G, xã Q, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS. Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, bị đơn anh Đậu Xuân T, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Hoàng Thị N vắng mặt nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ

vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có tại hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2]Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Đậu Xuân T có đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (trước là xã S, huyện Q), tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống không có tiếng nói chung, vợ chồng sống không có tình cảm. Chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đó hai bên không còn liên lạc, hỏi thăm, quan tâm gì đến nhau nữa dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2022 đến nay, chị D và anh T đã sống ly thân với nhau. Chị D xin ly hôn anh T, anh T thấy tình cảm vợ chồng hiện nay không còn gì nữa, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau cũng thống nhất ly hôn với chị D. Chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Do chị D đang ở nước ngoài không tham gia làm việc tại Tòa án nên Tòa án không thể phân tích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D và anh T không thể đoàn tụ được với nhau nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đậu Xuân T.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Đậu Xuân T có 02 con chung là Đậu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 20/6/2017 và Đậu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 23/10/2014. Các con chung hiện đang ở với anh T.

Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai chị Nguyễn Thị D, chị D xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Đậu Nguyễn Anh Q và giao con chung là Đậu Nguyễn Thành Đ cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của cả chị D và anh T là chính đáng. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay các con chung đang ở ổn định với anh Đậu Xuân T, anh T cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Hiện nay chị D đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên không thể có thời gian, điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung được. Ngoài ra tại bản tự khai các cháu Đ1 Nguyễn Anh Q và Đậu Nguyễn Thành Đ đều có lời trình bày nguyện vọng xin ở với anh T để ổn định nơi ở, sinh hoạt cũng như học tập. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con trẻ, cũng như tôn trọng nguyện vọng của con chung, tạo các điều kiện thuận lợi tốt nhất cho sự phát triển của các con nên giao các con chung của chị D và anh T cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp

với thực tế. Chị D có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc các con chung sau khi đã ly hôn là phù hợp theo Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi hai con chung cho anh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết chị D, anh T không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu chị D và anh T có yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung thì sẽ được xem xét bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nạp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 57, 58, và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đậu Xuân T.

- Về con chung: Giao các con chung là Đậu Nguyễn Anh Q (giới tính: Nam), sinh ngày 20/6/2017 và Đậu Nguyễn Thành Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 23/10/2014 cho anh Đậu Xuân T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cho chị Nguyễn Thị D vì anh Đậu Xuân T không yêu cầu.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị D có quyền, đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị D và anh Đậu Xuân T tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Cơ quan

Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0004210 ngày 14/8/2025. Chị Nguyễn Thi D1 đã nạp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 - Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Phú;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Huy